

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2021 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 532/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 03 năm 2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Minh D, sinh năm 1974; cư trú tại: phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Đoàn Quốc D, sinh năm 1967; cư trú tại: phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/03/2021, và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Minh D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Đoàn Quốc D kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến năm 2002 cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên Bà D yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Quốc D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Kh, sinh năm 2002. Do cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai đề ngày 02/04/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đoàn Quốc D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Minh D kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng ông cho rằng những mâu thuẫn này có thể khắc phục được và ông vẫn rất thương vợ. Ông xác định vợ chồng không cãi vã to tiếng, ông cũng không gia trưởng, không đánh đập vợ con và cũng không có quan hệ với bất kỳ người phụ nữ nào khác. Hiện nay, Bà D đi làm và chuyển ra ngoài sống ly thân với ông từ ngày 02/03/2021. Nay Bà D quyết định ly hôn, không còn chăm lo cho gia đình, không còn tình cảm gì với ông và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên ông đồng ý ly hôn với Bà D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Kh, sinh năm 2002. Do cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng

Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà D đối với ông D. Con chung hiện nay đã thành niên nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tổ tụng:

- Về tư cách tổ tụng:

Bà Lê Minh D khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc ly hôn với ông Đoàn Quốc D. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định Bà D là nguyên đơn, ông D là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn”.

- Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ông Đoàn Quốc D hiện cư trú tại phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nên được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác:

Bà Lê Minh D và ông Đoàn Quốc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D, ông D kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay Bà D xin ly hôn, Tòa án căn cứ luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà D khai sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2002, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án ông D thừa nhận giữa ông và Bà D có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên ông cho rằng những mâu thuẫn này có thể khắc phục được và ông vẫn rất thương vợ. Hiện nay, Bà D đi làm và đã chuyển ra ngoài sống ly thân với ông từ ngày 02/03/2021, Bà D không còn chăm lo cho gia đình, ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng Bà D vẫn cương quyết chuyển ra ngoài sống. Do đó, nay Bà D có đơn yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý. Tại biên bản xác minh ngày 13/5/2021, Ủy ban nhân dân phường D, thành phố H xác định không biết tình trạng mâu thuẫn giữa Bà D và ông D vì các đương sự không trình báo, không yêu cầu hòa giải. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai của Bà D và ông D thì xác định mâu thuẫn giữa ông D và Bà D là có thật. Như vậy, quan hệ hôn nhân của Bà D và ông D đã rạn nứt không thể hàn gắn được và hiện Bà D và ông D đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà D.

Về con chung: Các đương sự xác định có 01 con chung tên Đoàn Minh Kh, sinh năm 2002. Hiện nay, con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Bà D, ông D đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà D, ông D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn Bà Lê Minh D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, 56 và Điều 57, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn bà Lê Minh D.

Bà Lê Minh D được ly hôn với ông Đoàn Quốc D.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Kh, sinh năm 2002. Hiện nay, con chung đã thành niên nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà D, ông D đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà D, ông D đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Minh D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Bà D đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000459 ngày 17/03/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Bà D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Minh D, ông Đoàn Quốc D được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Nguyệt